TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**13/2025/ HNGĐ - ST**
Ngày: **23 – 9 - 2025**
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 -NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quang Bưởng
2. Bà Phùng Thị Hằng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình*** *tham gia phiên tòa*: Bà Đinh Khánh Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2025/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 (của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ) về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST - HNGĐ ngày 5 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh ngày 27/7/1992; căn cước công dân số: 03619201063xx Địa chỉ: Xóm H, xã Y, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là: Xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh ngày 22/4/1985; căn cước công dân số: 0370850054xx; Địa chỉ: Xóm H, xã Y, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là: Xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình).

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:* Chị và anh Đ sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 9 tháng 3 năm 2015 tại UBND xã K, huyện Y (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân khi vợ chồng chuyển vào Sài Gòn làm

ăn sinh sống đã xảy ra bất đồng quan điểm trong việc làm, quan điểm sống, anh Đ suốt ngày uống rượu bỏ bê công việc. Gia đình đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh Đ không thay đổi, cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Từ tháng 3 năm 2023, anh Đ đã bỏ về quê xã K, huyện Y cũ, chị L và 3 con chung vẫn ở lại S. Thời gian đầu thi thoảng anh Đ vẫn vào thăm các con nhưng nhưng đến năm 2024, anh Đ vào đón con về quê học vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị và anh Đ bắt đầu sống ly thân nhau tháng 4 năm 2024 cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh Đ không có khả năng về đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung cháu Phạm Hoàng Phát S ngày 8 tháng 11 năm 2022, cháu Phạm Bình M sinh ngày 21 tháng 7 năm 2017, cháu Phạm Ngọc Phương A sinh ngày 4 tháng 7 năm 2016. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Phương A và cháu Phạm Hoàng P, giao cháu Phạm Bình M cho anh Đ nuôi dưỡng và không ai phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Văn Đ trong bản tự khai ngày 16/5/2025 trình bày:*

Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh nhất trí như chị L đã trình bày. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn vì vợ chồng ly thân đã lâu, không còn tình cảm với nhau.

Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Ngọc Phương A sinh ngày 4 tháng 7 năm 2016, cháu Phạm Bình M sinh ngày 21 tháng 7 năm 2017, cháu Phạm Hoàng Phát S ngày 8 tháng 11 năm 2022. Cháu Phạm Ngọc Phương A và cháu Phạm Bình M đang ở với anh, cháu Phạm Hoàng P đang ở với chị L. Khi ly hôn anh không nhất trí với yêu cầu của chị L, anh đề nghị được tiếp tục nuôi 2 cháu Phương A và B, đề nghị Tòa án giao cho chị L nuôi cháu P và không ai phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ hiện đang cư trú tại xóm H, xã Y, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình đã giao Thông báo thụ lý vụ án cho anh Phạm Văn Đ và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Phạm Văn Đ, anh Đ đã ký nhận các văn bản của Tòa án.

Các con chung của vợ chồng cháu Phạm Bình M sinh ngày 21 tháng 7 năm

2017, cháu Phạm Ngọc Phương A sinh ngày 4 tháng 7 năm 2016 thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì cháu Phạm Bình M muốn tiếp tục ở với bố, cháu Phạm Ngọc Phương A có nguyện vọng được ở với mẹ, khi bố mẹ ly hôn thể hiện trong biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2025

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L. Cho chị Bùi Thị L được hôn anh Phạm Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Ngọc Phương A và cháu Phạm Hoàng P cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên, tự lập; Giao con chung là cháu cháu Phạm Bình M cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên, tự lập. Anh Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Bùi Thị L không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Bùi Thị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Chị Bùi Thị L có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn Đ có nơi cư trú tại: Xóm H, xã Y, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình).

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Phạm Văn Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ chỉ có bản tự khai sau đó cố tình không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Phạm Văn Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị L và anh Phạm Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 09/03/2015 tại UBND xã K, huyện Y nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị L và anh Đ sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị L thì nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, quan điểm sống, anh Đ suốt ngày uống rượu bỏ bê công việc. Gia đình và chị đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh Đ không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Chị và anh Đ bắt đầu sống ly thân nhau tháng 4 năm 2024 cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa

Về phía anh Đ xác định nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong việc làm, quan điểm sống như chị L đã trình bày. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn vì vợ chồng ly thân đã lâu, không còn tình cảm với nhau.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử thấy: trong cuộc sống chung vợ chồng anh Đ và chị L đã phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan trong làm ăn kinh tế chung của vợ chồng, trong công việc gia đình; do mâu thuẫn không giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể duy trì. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L cho chị L được ly hôn với anh Phạm Văn Đ là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung

Anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị L có ba con chung là là cháu Phạm Hoàng Phát S ngày 8 tháng 11 năm 2022, cháu Phạm Bình M sinh ngày 21 tháng 7 năm 2017, cháu Phạm Ngọc Phương A sinh ngày 4 tháng 7 năm 2016. Sau khi ly thân, cháu Phạm Ngọc Phương A và cháu Phạm Bình M đang ở với anh Đ, cháu Phạm Hoàng P đang ở với chị L.

Ban đầu anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Phạm Bình M và Phạm Ngọc Phương A, để chị L nuôi cháu Phạm Hoàng P. Còn chị L yêu cầu được nuôi cháu Phạm Ngọc Phương A và Phạm Hoàng P, để anh Đ nuôi cháu Phạm Bình M.

Trước khi xét xử anh Đ và chị L đã tự thỏa thuận thống nhất việc nuôi con chung theo yêu cầu của chị L giao hai cháu Phạm Ngọc Phương A và Phạm Hoàng P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khoảng tháng 8/2025, để ổn định việc học cho cháu Phương A, chị L đã đón cháu Phương A sinh sống cùng mình trong miền N.

Tại biên bản xác minh của Công an xã Y ngày 23/9/2025; chị Bùi Thị L, cháu Phạm Ngọc Phương A đã đăng ký tạm trú tại số F khu phố A, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Cháu Phương A hiện đang học tập và có cuộc sống ổn định với chị Bùi Thị L.

Mặt khác cháu Phạm Bình M và cháu Phạm Ngọc Phương A thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì cháu Phạm Bình M muốn tiếp tục ở với bố, cháu Phạm Ngọc Phương A có nguyện vọng được ở với mẹ.

Để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường của các cháu, hạn chế thấp nhất đến việc xáo trộn về tâm sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn và đảm bảo được nguyện vọng và quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình thì thỏa thuận thống nhất việc nuôi con chung của anh chị được chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung mặc dù đã được Toà án giải thích cho chị L việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con; Chị L hiện đang có công việc và thu nhập ổn định, chị đang làm việc tại Công ty TNHH K với mức thu nhập 15.000.000 đồng/tháng; còn anh Đ làm công việc tự do thu nhập phụ thuộc vào từng ngày nên chị L vẫn không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Công văn 193/UBND-VP ngày 12/8/2025 của UBND xã Y cung cấp thông tin tình hình thực tế anh Phạm Văn Đ hiện cư trú tại xóm H - thôn Đ, xã Y, tỉnh Ninh Bình, sống cùng mẹ đẻ là bà Bùi Thị Thu N hàng tháng của anh không đều phụ thuộc vào công việc và thời tiết, trong khi thu nhập của chị L ổn định và cao hơn anh Đ. Do đó việc chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho chị là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu của chị.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Bùi Thị L và anh Phạm Văn Đ

không đề nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Bùi Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

3. Về con chung:

Giao hai cháu Phạm Ngọc Phương A sinh ngày 04/07/2016, cháu Phạm Hoàng Phát S ngày 08/11/2022 cho chị Bùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên tự lập.

Giao cháu Phạm Bình M sinh ngày 21/7/2017 cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên tự lập.

Về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị L tạm thời không yêu cầu tòa án giải quyết.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Bùi Thị L và anh Phạm Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0001203 ngày 16/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh

Bình - nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Bùi Thị L và anh Phạm Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã Y;
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh